

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2022/DS-ST**

Ngày: 13-5-2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bàng

2. Ông Lê Văn Lộc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP K;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: S 40- 42- 44 PHT, phường VTV, Thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồ Phương H, sinh ngày 15/9/1988, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch AB, đại diện theo Quyết định số: 03/QĐ-PGDAB ngày 12/5/2022 (có mặt);

Địa chỉ: S 135, kp 3, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp XD II, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2018 và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào ngày 05/01/2021, Ngân hàng TMCP K có cho anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H vay số tiền 60.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A1176087/HĐTD-CC ngày 05/01/2021, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất vay 16%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả; thời hạn trả nợ, anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H phải trả nợ định kỳ mỗi ngày là 359.621 đồng, tính kể từ ngày 06/01/2021 đến ngày 06/7/2021; khi vay anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H có thể chấp cho Ngân hàng TMCP K chiếc xe mô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát số: 68B1-36643, số khung 730XGY099848, số máy JF73E0099875, chủ sở hữu tài sản Trần Văn T. Sau khi vay anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H thực hiện nghĩa vụ không đúng theo hợp đồng đã ký kết, Ngân hàng chúng tôi đến làm việc thì anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H trốn tránh không trả nợ. Nay ông đại diện Ngân hàng yêu cầu anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả số tiền vay vốn lãi tạm tính đến ngày 28/3/2022 là 70.075.559 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 29/3/2022 cho đến khi trả hết số nợ nói trên theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H không thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền kê biên bán đấu giá chiếc xe mô tô biển kiểm soát số: 68B1-36643, số khung 730XGY099848, số máy JF73E0099875, chủ sở hữu tài sản Trần Văn T trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A1176087/HĐTD-CC ngày 05/01/2021.

*\* Bị đơn anh Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thu H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H biết để anh chị có ý kiến về việc Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh chị trả số tiền vay còn nợ và xử lý tài sản thế chấp nhưng anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H không có ý kiến gì và cũng không

cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*\* Tại Biên bản xác minh ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xác định được:*

Anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H có hộ khẩu thường trú ấp XD II, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, hiện nay anh đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về địa phương ấp XD II, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Trần Văn T, Lê Thị Thu H và sổ hộ khẩu; Giấy đề nghị vay vốn trả góp ngày 05/01/2020 của anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H; Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A1176087/HĐTD-CC ngày 05/01/2021; Bản kê thẩm định khách hàng vay trả góp ngày 05/01/2020; Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ ngày 05/01/2020; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát số: 68B1-36643, số khung 730XGY099848, số máy JF73E0099875, chủ sở hữu tài sản Trần Văn T; Biên bản xác minh ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Biên; Phiếu tính lãi, phạt ngày 14/01/2022 và Phiếu tính lãi, phạt ngày 26/4/2022.

*\* Tại phiên tòa:*

Ông Phạm Hồ Phương H, người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả số tiền vay vốn gốc và lãi tính đến ngày 13/5/2022 là 71.339.178 đồng, trong đó 53.333.600 đồng tiền vốn gốc, 18.005.578 đồng tiền lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 14/5/2022 cho đến khi trả hết số nợ nói trên theo Hợp đồng đã ký. Trường hợp anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H không thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền kê biên bán đấu giá chiếc xe mô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 026667, biển kiểm soát số: 68B1-366.43, số máy JF73E0099875, số khung 730XGY099848, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: SH125, màu sơn: Trắng đen, dung tích: 124, chủ sở hữu tài sản Trần Văn T để trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A1176087/HĐTD-CC ngày 05/01/2021, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thu H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viện phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện

các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thu H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì ngày 05/01/2021, anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H có vay tiền tại Ngân hàng TMCP K với số tiền vay vốn gốc là 60.000.000 đồng. Khi vay anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H có thể chấp cho Ngân hàng tài sản là chiếc xe mô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 026667, biển kiểm soát số: 68B1-366.43, số máy JF73E0099875, số khung 730XGY099848, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: SH125, màu sơn: Trắng đen, dung tích: 124, chủ sở hữu tài sản Trần Văn T, nay còn nợ Ngân hàng và Ngân hàng yêu cầu anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vốn gốc và lãi tính đến ngày 13/5/2022 là 71.339.178 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 14/5/2022 cho đến khi trả hết số nợ nói trên theo hợp đồng đã ký là có cơ sở chấp nhận. Trường hợp chiếc xe không còn hoặc bị hư hỏng thì anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H trả tiền vay còn nợ và xử lý tài sản thế chấp trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP K. Bị đơn anh Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thu H có nơi cư trú tại: ấp XD II, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thu H biết và ấn định thời gian để anh chị có ý kiến về việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu trả nợ và xử lý tài sản thế chấp trả nợ nhưng anh chị không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H nhưng anh chị vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai người đại diện Ngân hàng TMCP K không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét khởi kiện của Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vốn gốc và lãi tính đến ngày 13/5/2022 là 71.339.178 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 14/5/2022 cho đến khi trả hết số nợ nói trên theo Hợp đồng đã ký. Đồng thời, xử lý tài sản mà anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H thế chấp để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng TMCP K nhưng anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H không có ý kiến yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau, có đủ cơ sở xác định được ngày 05/01/2021, Ngân hàng TMCP K có cho anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H vay số tiền 60.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số: A1176087/HĐTD-CC ngày 05/01/2021; khi vay anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H có thế chấp cho Ngân hàng TMCP K chiếc xe mô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 026667, biển kiểm soát số: 68B1-366.43, số máy JF73E0099875, số khung 730XGY099848, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: SH125, màu sơn: Trắng đen, dung tích: 124, chủ sở hữu tài sản Trần Văn T là có thật phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi vay, anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K, buộc anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H trả cho Ngân hàng TMCP K tiền vay còn nợ vốn gốc và lãi tính đến ngày 13/5/2022 là 71.339.178 đồng, trong đó 53.333.600 đồng tiền vốn gốc, 18.005.578 đồng tiền lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 14/5/2022 cho đến khi trả hết số nợ nói trên theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A1176087/HĐTD-CC ngày 05/01/2021 là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền, anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H có thể chấp cho Ngân hàng tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, loại xe: SH125, màu sơn: Trắng đen, dung tích: 124 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 026667, biển kiểm soát số: 68B1-366.43, số máy JF73E0099875, số khung 730XGY099 848, chủ sở hữu tài sản Trần Văn T là thực hiện biện pháp bảo đảm nghĩa vụ và đăng ký biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 292 và Điều 298 của Bộ luật dân sự. Do đó, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe mô tô, xe máy của anh Trần Văn T mà anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H đã thế chấp để bảo đảm cho việc trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 299 của Bộ luật dân sự, có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 303 của Bộ luật dân sự để thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Cụ thể: Trường hợp anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H không thực hiện hoặc chậm thực hiện trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là chiếc xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, loại xe: SH125, màu sơn: Trắng đen, dung tích: 124 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 026667, biển kiểm soát số: 68B1-366.43, số máy JF73E0099875, số khung 730XGY099848 chủ sở hữu tài sản Trần Văn T để trả nợ khoản tiền vay nói trên cho Ngân hàng. Trường hợp chiếc xe mô tô, xe máy thế chấp đảm bảo trả nợ vay có giá trị nhiều hơn hoặc thấp hơn thì cơ quan thi hành án có quyền thi hành theo thẩm định giá thực tế để thi hành đảm bảo việc trả tiền vay cho Ngân hàng hoặc các bên đương sự có tranh chấp về giao dịch gì khác thì các bên đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, nếu không thỏa thuận được thì một trong các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết và được xem xét giải

quyết bằng vụ kiện khác. Trường hợp anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H tự nguyện thanh toán xong số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì phía Ngân hàng làm thủ tục xóa thế chấp và trả lại cho anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 026667, biển kiểm soát số: 68B1-366.43, số máy JF73E0099875, số khung 730XGY099848, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: SH125, màu sơn: Trắng đen, dung tích: 124, chủ sở hữu tài sản Trần Văn T nói trên theo quy định của pháp luật. Trường hợp tài sản thế chấp không còn, anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[4] Về án phí, bị đơn anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 275, Điều 280, Điều 288, khoản 2 Điều 292, Điều 298, khoản 1 Điều 299, Điều 303, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 469 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Buộc anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H trả cho Ngân hàng TMCP K tiền vay còn nợ vốn gốc và lãi tính đến ngày 13/5/2022 là 71.339.178 đồng, trong đó 53.333.600 đồng tiền vốn gốc, 18.005.578 đồng tiền lãi và tiếp tục trả lãi phát

sinh từ ngày 14/5/2022 cho đến khi trả hết số nợ nói trên theo Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số: A1176087/HĐTD-CC ngày 05/01/2021.

2. Về tài sản để bảo đảm việc trả nợ: Trường hợp anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H không thực hiện hoặc chậm thực hiện trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là chiếc xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, loại xe: SH125, màu sơn: Trắng đen, dung tích: 124 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 026667, biển kiểm soát số: 68B1-366.43, số máy JF73E0099875, số khung 730XGY099848, chủ sở hữu tài sản Trần Văn T để trả nợ khoản tiền vay nói trên cho Ngân hàng. Trường hợp chiếc xe mô tô, xe máy thế chấp đảm bảo trả nợ vay có giá trị nhiều hơn hoặc thấp hơn thì cơ quan thi hành án có quyền thi hành theo thẩm định giá thực tế để thi hành đảm bảo việc trả tiền vay cho Ngân hàng hoặc các bên đương sự có tranh chấp về giao dịch gì khác thì các bên đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, nếu không thỏa thuận được thì một trong các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết và được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác. Trường hợp anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H tự nguyện thanh toán xong số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì phía Ngân hàng làm thủ tục xóa thế chấp và trả lại cho anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 026667, biển kiểm soát số: 68B1-366.43, số máy JF73E0099875, số khung 730XGY099848, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: SH125, màu sơn: Trắng đen, dung tích: 124, chủ sở hữu tài sản Trần Văn T nói trên theo quy định của pháp luật. Trường hợp tài sản thế chấp không còn, anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí: Buộc anh Trần Văn T và chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.566.958 đồng (71.339.178 đồng x 5%).

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.795.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004579 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 13/5/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân



sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Điền).

**Trần Văn Thảo**